BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2056 /TTr-BKHCN	*Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2021*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1258/QĐ-TTg). Theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường (Nghị định số 86/2012/NĐ-CP).

Đồng thời, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg và để giải quyết các khó khăn, vướng mắc nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện:

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã có công văn (02 lần) đề nghị các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

- Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định (Quyết định số 2736/QĐ-BKHCN ngày 06/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

- Trên cơ sở báo cáo đánh giá của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách; Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc; dự thảo Tờ trình ban hành Nghị định.

- Ngày 05/11/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 3356/BKHCN-TĐC gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và một số Hội, Hiệp hội liên quan, đồng thời hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định này cũng được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Chính phủ theo quy định. Căn cứ ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức tiếp thu ý kiến góp ý, họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập đối với dự thảo Nghị định và chỉnh sửa lại dự thảo Nghị định.

Ngày 01/12/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được Công văn số 4458/BTP-PLDSKT đề ngày 27/11/2020 của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị định nói trên. Theo đó, Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ về căn cứ pháp lý và đề nghị thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 84, Điều 85 và Điều 87, Điều 89 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18, 19, 20, 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Ngày 21/5/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Tờ trình số 1280/TTr-BKHCN báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định nói trên kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 04/6/2021, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 3733/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam đối với đề nghị xây dựng Nghị định của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1280/TTr-BKHCN. Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam đồng ý với đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ những nội dung cơ bản

của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

1. Đối với Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP

Để triển khai Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành hơn 200 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật) và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện.

Như vậy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 được ban hành đầy đủ. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng) cũng như hoạt động tôn vinh, khen thưởng về chất lượng cho các tổ chức, cá nhân, trong đó có Giải thưởng chất lượng quốc gia. Qua hơn 12 năm triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, thị trường trong nước đã có nhiều chuyển biến tích cực theo sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên, một số quy định của Nghị định đã bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc cần xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. Nghị định số 74/2018/NĐ-CP về cơ bản đã giải quyết được các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

1.1. Kết quả đạt được

1.1.1. Đã quy định cụ thể việc xác định sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn theo hướng giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ để phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020. Đây là căn cứ quan trọng để các Bộ, ngành xác định sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn (hàng hóa nhóm 2) và quy định biện pháp quản lý phù hợp với từng loại sản phẩm, hàng hóa.

1.1.2. Đã quy định về thủ tục kiểm tra hàng hóa nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu. Theo đó, căn cứ mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực lựa chọn biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu cho phù hợp, cụ thể:

a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân;

b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng đã quy định việc miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; việc miễn giảm kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu. Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp hậu kiểm (việc kiểm tra căn cứ trên cơ sở kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân hoặc kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật), thời gian kiểm tra và thông quan hàng hóa tối đa chỉ 01 ngày. Đồng thời, đã quy định đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.

Việc triển khai quy định nêu trên đã mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp, ví dụ đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đã chuyển 91% nhóm sản phẩm, hàng hóa (với 93,3% loại sản phẩm cụ thể phân theo mã HS) do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý sang cơ chế hậu kiểm (áp dụng biện pháp quản lý theo điểm a, b nêu trên). Như vậy, trong năm 2019 và năm 2020, chi phí đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ chuyển sang cơ chế hậu kiểm đã giảm (bao gồm chi phí lưu kho, bãi; chi phí cho người đi làm thủ tục nhập khẩu), cụ thể: năm 2019 ước tính tổng chi phí giảm được cho các doanh nghiệp khoảng gần 590 tỷ đồng và năm 2020 tổng chi phí giảm được cho doanh nghiệp là hơn 830 tỷ đồng.

1.1.3. Đã quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp để bảo đảm hoạt động chỉ định được thực hiện thống nhất, tuân thủ theo đúng các quy định, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Quy định này đã giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong thời gian trước đây như có sự chồng chéo về quản lý giữa các Bộ, ngành; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp có năng lực không đáp ứng yêu cầu chuẩn mực của tổ chức đánh giá sự phù hợp...

1.1.4. Đã quy định cụ thể hơn các nội dung về "Giải thưởng chất lượng quốc gia" để phù hợp với thực tế triển khai, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giải thưởng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

1.1.5. Mã số mã vạch (MSMV) là một công cụ hữu hiệu được ứng dụng phổ biến trong quản lý và được các bên trong chuỗi cung ứng sử dụng (nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng…). Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, MSMV là tiện ích đóng vai trò to lớn trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giúp cho

việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm, từ đó các bên tham gia trong chuỗi cung ứng có thể ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, thu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển.

Trong quản lý chất lượng sản phẩm, MSMV là yếu tố cơ bản liên kết thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm (công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy của sản phẩm, hàng hóa); là công cụ phục vụ nhà sản xuất giám sát chất lượng sản phẩm, truy tìm, xác định nguồn gốc, nguyên nhân sự cố liên quan đến sản phẩm; người tiêu dùng tra cứu, tìm kiếm thông tin về chất lượng sản phẩm; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm.

Do đó, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về quản lý mã số, mã vạch để phát huy được vai trò của mã số, mã vạch và quản lý thống nhất hoạt động này.

1.1.6. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá nhằm tăng thêm vai trò, trách nhiệm đầu mối của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá như giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động đánh giá sự phù hợp trong phạm vi cả nước; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp; chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch kiểm tra về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa hàng năm đối với các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hóa chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; xử lý vi phạm theo thẩm quyền, đưa ra cảnh báo hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý. Đồng thời, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động đăng ký và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý theo thẩm quyền.

1.1.7. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, phù hợp với các văn bản có liên quan (Luật An toàn vệ sinh thực phẩm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Nghị định quản lý phân bón…) và thống nhất với trách nhiệm của các Bộ quản lý chuyên ngành về xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), giải quyết được các khó khăn, chồng chéo trong quản lý, hạn chế tối đa việc một mặt hàng chịu sự quản lý của nhiều Bộ, ngành.

1.1.8. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp để tăng cường thêm vai trò, trách nhiệm đầu mối của Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương như chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra hằng năm tại địa phương về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa tại các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hóa chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp, hằng năm tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng

sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa tại địa phương để cảnh báo cho người tiêu dùng và các cơ quan hữu quan tại địa phương.

1.2. Một số nội dung của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cần nghiên cứu, xem xét điều chỉnh

1.2.1. Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay để giải quyết các nội dung vướng mắc sau:

a) Quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với trường hợp quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) là làm phát sinh thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết tại khâu thông quan hàng hóa.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã đổi mới phương thức quản lý nhà nước từ chủ yếu tiền kiểm sang chủ yếu hậu kiểm gắn liền áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân (áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra hàng nhập khẩu), cụ thể:

- Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp hậu kiểm, thời gian kiểm tra và thông quan hàng hóa tối đa chỉ 01 ngày.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.

Đồng thời, ngày 09/11/2018, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 154/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành, trong đó đã làm rõ quy định nêu trên và trình tự, thủ tục để được miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu để cơ quan kiểm tra, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định *trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người nhập*

khẩu nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng cho cơ quan kiểm tra chuyên ngành thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, không phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành cho cơ quan hải quan theo quy định tại điểm b khoản 2a và điểm b khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị giữ nguyên quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Việc quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu *khi không thể thực hiện thủ tục hành chính về kiểm tra chất lượng hàng hóa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia*. Phương án này sẽ giúp cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra (hậu kiểm) đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (được áp dụng biện pháp hậu kiểm quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP), bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

b) Quy định rõ việc miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu là các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật quy định tại điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hải quan đối với các hàng hóa này.

c) Bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa do Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định chỉ nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu mới được miễn kiểm tra chất lượng. Quy định như vậy là chưa phù hợp do hàng hóa hoàn chỉnh khi đưa ra lưu thông đã phải kiểm tra chất lượng nên nguyên liệu để sản xuất không cần phải kiểm tra.

1.2.2. Trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, Hội, doanh nghiệp[1] về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Theo đó, quy định này tạo thêm thủ tục hành chính, gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu phải mất thời gian để làm thủ tục trước khi xuất khẩu hàng hóa.

1.2.3. Bên cạnh đó, hiện nay hệ thống các văn bản pháp lý của Việt Nam về vấn đề truy xuất nguồn gốc xuất xứ còn rất sơ khai, chủ yếu là các văn bản quy định, hướng dẫn nhằm giải quyết một phần yêu cầu của thực tiễn vận hành, quản lý đặt ra, chưa mang tính tiêu chuẩn, quy chuẩn, chưa phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế.

---

[1] Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội Da giầy - Túi xách, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam, Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam, Công ty TNHH Việt Nam Parkerizing Hà Nội, Công ty TNHH Joyomark (Việt Nam), Công ty TNHH Shihen Việt Nam, Công ty TNHH Toyo Inn Compounds Việt Nam.

1.2.4. Mặc dù, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Tuy nhiên, vẫn còn chồng chéo về trách nhiệm quản lý chất lượng giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Xây dựng đối với "*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*", gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

1.2.5. Ngoài ra, qua tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ghi nhận ý kiến của một số Bộ, ngành như sau:

a) Bộ Xây dựng đề nghị điều chỉnh, bổ sung đối tượng được thực hiện chỉ định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) là các tổ chức thử nghiệm đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, hiện nay, tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP quy định trước khi được xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành đánh giá thực tế tại tổ chức thử nghiệm. Do đó, nếu bổ sung quy định này vào dự thảo Nghị định thì tổ chức thử nghiệm sẽ phải 02 lần được cơ quan có thẩm quyền đánh giá thực tế (trước khi cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện và trước khi chỉ định phục vụ quản lý nhà nước). Như vậy sẽ phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị định.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) theo hướng trong thời gian được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, định kỳ 03 tháng, người nhập khẩu phải báo cáo tình hình nhập khẩu cho cơ quan kiểm tra để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm nhưng không phải nộp kèm theo kết quả đánh giá sự phù hợp (doanh nghiệp có thể thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với hàng hóa nhập khẩu nếu thấy cần thiết) và tự chịu trách nhiệm, bảo đảm lô hàng nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, tiêu chuẩn công bố áp dụng.

Nội dung này được Bộ Khoa học và Công nghệ giải trình cụ thể tại điểm 1.3 mục IV của Tờ trình này.

Do đó, việc nghiên cứu các yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg, ý kiến phản ánh của một số Bộ, ngành Hiệp hội, doanh nghiệp về sử dụng mã số mã vạch nước ngoài, hoạt động truy xuất nguồn gốc, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước chất lượng sản phẩm, hàng hóa và một số khó khăn, vướng mắc trong thời gian vừa qua để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế là cần thiết.

2. Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP

Để triển khai Luật Đo lường năm 2011, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; ban hành hơn 13 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, trong đó có Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 quy định kiểm tra nhà nước về đo lường, Quyết định số 2284/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2018 về việc công bố Bảng mã HS đối với phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu. Đồng thời, đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biết, hướng dẫn thực hiện.

Như vậy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Đo lường năm 2011 được ban hành đầy đủ. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý nhà nước về đo lường (trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn, phép đo…). Qua gần 9 năm triển khai thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, công tác quản lý nhà nước về đo lường đã có nhiều chuyển biến tích cực theo sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường đối với các phương tiện đo nhập khẩu đã có hiệu quả, góp phần vào việc hạn chế phương tiện đo nhập khẩu không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về đo lường, tăng tính chấp hành quy định pháp luật về đo lường bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong đo lường. Số lượng mẫu phương tiện đo nhập khẩu đã thực hiện thủ tục phê duyệt mẫu hằng năm đều tăng. Đặc biệt, sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 2284/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2018 thì số lượng phương tiện đo nhập khẩu tăng đột biến đến 70% trong năm 2019 thể hiện trong bảng dưới đây:

Năm	Số lượng phương tiện đo nhập khẩu	Tỷ lệ tăng hằng năm (%)
2017	3.100	9 %
2018	3.134	1%
2019	5.330	70%

Tuy nhiên, quá trình đánh giá của các Bộ, ngành, địa phương về thực trạng thi hành các quy định của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP đã bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc cần xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn liên quan đến hoạt động kiểm tra phương tiện đo nhóm 2 nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP như sau:

- Thời gian thử nghiệm mẫu để làm thủ tục phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí có một số mặt hàng lên đến 60 - 90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa, gây khó khăn cho doanh nghiệp;

- Không đủ kho, bãi để lưu giữ phương tiện đo, hàng hóa chờ thủ tục thông quan;

- Phát sinh nhiều chi phí cho doanh nghiệp khi làm thủ tục thông quan hàng hóa.

Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg. Tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn theo hướng: chuyển việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng hóa cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Quy định cụ thể này là Quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Do đó, việc nghiên cứu các yêu cầu tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg và tiếp thu các kiến nghị của một số bộ, ngành, địa phương trong quá trình đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP để đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là cần thiết, nhằm triển khai thực hiện quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020, Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 và giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thời gian vừa qua về sử dụng mã nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với các Bộ, ngành.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Thứ nhất, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp, phù hợp với quan điểm của Chính phủ trong nhiều năm trở lại đây là xây dựng Chính phủ kiến tạo.

Thứ hai, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng với doanh nghiệp và mục tiêu quản lý Nhà nước; phù hợp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới hiện nay.

Thứ ba, thi hành các cam kết về loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đang đàm phán như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định ASEAN…

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện đầy đủ quy trình soạn thảo dự thảo Nghị định, cụ thể:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Nghị định (Quyết định số 2736/QĐ-BKHCN ngày 06/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

2. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định (Tờ trình đề nghị xây dựng nghị định; Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách trong Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Đề cương chi tiết dự thảo Nghị định) và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Trên cơ sở ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam đồng ý về việc xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp tích cực với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng các nội dung chi tiết của các chương, điều, khoản, điểm của dự thảo Nghị định.

4. Tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị định (Công văn số 1527/BKHCN-TĐC ngày 14/6/2021 và Công văn số 1780/BKHCN-TĐC ngày 06/7/2021 đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan chưa có ý kiến góp ý). Đồng thời, toàn văn nội dung dự thảo Nghị định cũng được đăng tải và cập nhật đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

5. Đã gửi Thông báo dự thảo Nghị định cho các nước thành viên WTO theo quy định của Hiệp định WTO/TBT để đảm bảo nghĩa vụ minh bạch hóa mà Việt Nam đã cam kết khi gia nhập WTO (Thông báo G/TBT/N/VNM/193 ngày 21/6/2021).

6. Tổ chức họp Ban soạn thảo và Tổ biên tập nhằm hoàn thiện các nội dung của dự thảo. Các ý kiến tham gia góp ý đã được nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

7. Hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

8. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (tại Phụ lục kèm theo).

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 3 điều, 02 Mẫu trong Phụ lục, cụ thể như sau:

1. Về Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP

1.1. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

"k) Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa, lưu thông trên thị trường trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng".

Quyết định số 1258/QĐ-TTg cho rằng Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định chỉ có nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu mới được miễn kiểm tra chất lượng. Như vậy, hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa không được miễn kiểm tra chất lượng. Quy định như vậy là chưa phù hợp, do hàng hóa hoàn chỉnh khi đưa ra lưu thông đã phải kiểm tra chất lượng nên nguyên liệu để sản xuất không cần phải kiểm tra. Do đó, cần bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, hiện nay, các sản phẩm thực phẩm được quản lý theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Khái niệm "nguyên liệu" tại Luật An toàn thực phẩm được hiểu là các nguyên liệu nhập khẩu về chỉ để sản xuất thực phẩm (ví dụ bột mì, đường...). Còn các sản phẩm khác (bao gồm rất nhiều loại hàng hóa nhóm 2 khác nhau) hiện nay được quản lý theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018. Theo đó, sản phẩm thành phẩm được nhập khẩu về để sản xuất ra sản phẩm khác (ví dụ thép nhập khẩu về để sản xuất các mặt hàng công nghiệp; linh kiện ô tô, xe máy nhập khẩu để lắp ráp ô tô, xe máy; mặt hàng dệt may nhập khẩu để sản xuất quần áo...). Do đó, nếu quy định miễn kiểm tra sản phẩm này (được coi là nguyên liệu để sản xuất sản phẩm khác) thì cơ quan quản lý nhà nước sẽ khó kiểm soát hàng hóa nhóm 2, doanh nghiệp nhập khẩu sẽ cố tình tìm cách để không phải thực hiện biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.

Do đó, dự thảo Nghị định bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là "*nguyên liệu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa, lưu thông trên thị trường trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng*". Quy định này phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa vì theo luật này, chỉ những hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu mới phải thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu, còn các hàng hóa khác (hàng hóa nhóm 1), doanh nghiệp không phải thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu. Ví dụ trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu gương ô tô (hiện nay được quản lý theo QCVN 33:2019/BGTVT) nếu để sản xuất, lắp ráp xe ô tô thì gương ô tô này sẽ được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng khi nhập khẩu vì xe ô tô đã được quản lý theo QCVN 9:2015/BGTVT.

1.2. Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

Điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định *các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch)* ***theo quy định của pháp luật***.

Trước đây, tại Điều 69 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định về hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch là hàng hóa không nhằm mục đích thương mại. Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành (được thay thế bởi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính).

Vì vậy, hiện nay không có quy định của pháp luật về loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch). Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất 02 phương án sau:

Phương án 1:

"p) Các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của Bộ Tài chính".

Ưu điểm, nhược điểm của phương án 1:

- Ưu điểm:

+ Trước đây Bộ Tài chính đã có quy định về nội dung này nên việc Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định cụ thể sẽ thuận lợi hơn, đồng thời tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để gian lận, nhập khẩu hàng không đáp ứng chất lượng.

+ Minh bạch quy định, tạo thuận lợi, thông thoáng cho doanh nghiệp khi nhập khẩu.

- Nhược điểm: Bộ Tài chính phải đầu tư nguồn lực để nghiên cứu, quy định cụ thể nội dung này.

Phương án 2:

"p) Các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực".

Ưu điểm, nhược điểm của phương án 2:

- Ưu điểm:

+ Căn cứ vào tình hình thực tế, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sẽ quy định cụ thể đối tượng này, tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để gian lận thương mại.

+ Minh bạch quy định, tạo thuận lợi, thông thoáng cho doanh nghiệp khi nhập khẩu.

- Nhược điểm: Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải đầu tư nguồn lực để nghiên cứu, quy định cụ thể nội dung này.

Qua tổng hợp 41 ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan thì có 28 ý kiến lựa chọn Phương án 1. Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành có ý kiến đề nghị giao cho Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định để thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng.

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị 02 phương án nêu trên, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

1.3. Sửa đổi điểm đ khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) như sau:

Trong quá trình tổng hợp, xử lý ý kiến góp ý của các Bộ ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan, có một số ý kiến đề nghị xem lại việc quy định trong thời gian hàng hóa nhập khẩu được miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng, tổ chức, cá nhân vẫn phải thực hiện đánh giá sự phù hợp và nộp hồ sơ 03 tháng/lần thì việc miễn giảm này không có ý nghĩa. Sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất 02 phương án như sau:

Phương án 1:

Giữ nguyên như quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP).

Theo nguyên tắc, khi không đánh giá được điều kiện sản xuất và đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa thì với một dòng sản phẩm được phân định ra thành nhiều lô hàng trong thực tế, chất lượng của các lô hàng khác nhau là khác nhau và không thể xem như có tính chất đồng nhất. Việc đánh giá chất lượng từng lô hàng dựa trên nguyên tắc xác xuất thống kê và kết quả đánh giá chỉ được xem là đủ tin cậy với chính lô hàng đó, không áp dụng được với lô hàng khác. Do đó, việc quy định doanh nghiệp thực hiện đánh giá sự phù hợp cho lô hàng nhập khẩu là nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa nhóm 2 khi nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Vì vậy, điểm đ khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) quy định "*Định kỳ 03 tháng, người nhập khẩu phải báo cáo tình hình nhập khẩu cho cơ quan kiểm tra kèm theo kết quả đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm*".

<u>Ưu điểm của phương án 1:</u>

- Cơ quan quản lý chủ động kiểm soát được đầy đủ chất lượng các lô hàng nhập khẩu của người nhập khẩu trong thời gian được miễn kiểm tra, bảo đảm quyền lợi, an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng;

- Cơ quan quản lý không phải đầu tư thêm nguồn lực để tăng cường công tác hậu kiểm.

Nhược điểm của phương án 1: Người nhập khẩu phải mất chi phí để thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp để đảm bảo chất lượng hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Phương án 2:

"đ) Trong thời gian được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

- Người nhập khẩu phải bảo đảm lô hàng nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp lô hàng bị phát hiện không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng.

- Định kỳ 03 tháng, người nhập khẩu phải báo cáo tình hình nhập khẩu cho cơ quan kiểm tra để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm.

- Cơ quan kiểm tra có quyền kiểm tra đột xuất lô hàng nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (nếu có)".

Ưu điểm của phương án 2:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu và nâng cao trách nhiệm của người nhập khẩu (người nhập khẩu tự chịu trách nhiệm, bảo đảm lô hàng nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, tiêu chuẩn công bố áp dụng).

- Giảm chi phí để thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp cho người nhập khẩu.

Nhược điểm của phương án 2:

- Cơ quan quản lý không kiểm soát được đầy đủ chất lượng các lô hàng nhập khẩu của người nhập khẩu trong thời gian 02 năm được miễn kiểm tra; Nhà nước phải đầu tư thêm nguồn lực, kinh phí (bao gồm cả kinh phí đánh giá sự phù hợp của lô hàng) để tăng cường công tác hậu kiểm.

- Người nhập khẩu có thể lợi dụng quy định này để nhập khẩu các lô hàng có chất lượng không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tiêu chuẩn công bố áp dụng, ảnh hưởng đến quyền lợi, an toàn sức khỏe của người tiêu dùng.

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị 02 phương án nêu trên, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

1.4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và bãi bỏ Mẫu số 15, Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP:

Ngày 04/11/2020, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật về sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài để phù hợp thực tiễn sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam và bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này; thực

hiện việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo đúng quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật (tại Công văn số 9208/VPCP-KGVX).

Trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Việc quy định quản lý nhà nước về mã số, mã vạch và việc sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài đã được quy định từ gần 20 năm trước theo Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch và cơ quan quản lý nhà nước về mã số, mã vạch. Để triển khai thực hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006 và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN) và thực hiện trước khi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ được ban hành.

GS1 là tổ chức mã số mã vạch quốc tế với 115 quốc gia thành viên. Theo thống kê, mã vạch GS1 được sử dụng bởi hơn 2 triệu doanh nghiệp, hơn 100 triệu sản phẩm có gán mã GS1 và hơn 6 tỷ lượt quét mã vạch GS1 hằng ngày trên toàn thế giới. GS1 cũng là một tổ chức tiêu chuẩn hóa. Từ năm 1989, GS1 đã ban hành tiêu chuẩn quốc tế về trao đổi dữ liệu điện tử EDI. Ngoài ra, GS1 cũng xây dựng các tiêu chuẩn về chip RFID, tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn về định danh trang thiết bị y tế theo quy định của U.S FDA của Mỹ và MDR của Châu Âu. Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn của GS1 đã hài hòa, được công nhận bởi Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) và được sử dụng viện dẫn trong các tiêu chuẩn ISO.

Theo thông lệ quốc tế, khi đăng ký với GS1, một doanh nghiệp sẽ được cấp một hoặc một số tiền tố doanh nghiệp (GCP) và từ đó cho phép tạo ra các mã định danh dòng sản phẩm (GTIN), đơn nhất trên toàn cầu. Do đó, các doanh nghiệp khác muốn sử dụng mã nước ngoài đã được đăng ký của doanh nghiệp chủ sở hữu mã thì phải được ủy quyền của doanh nghiệp này. Điều này tạo sự minh bạch, góp phần chống gian lận trong quá trình thương mại quốc tế.

Việc quản lý hệ thống mã số, mã vạch quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, cung cấp thông tin và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tạo ra sự minh bạch trong sản xuất, chống việc giả tên của doanh nghiệp chủ sở hữu mã số, mã vạch, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo vệ uy tín và hình ảnh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

Mã số, mã vạch giúp thúc đẩy thương mại và hội nhập quốc tế thông qua việc: tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử toàn cầu; giúp truy xuất nguồn gốc sản phẩm thuận lợi, cung cấp dữ liệu sản phẩm cho đối tác thương mại; tích hợp với dữ liệu hải quan và cơ quan thuế nhằm tạo thuận lợi cho khai báo, thông quan, tính thuế; hỗ trợ kiểm soát luồng hàng xuất nhập khẩu.

Hiện nay, các nước đang tăng cường kiểm tra nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thông qua việc ứng dụng mã số, mã vạch. Trong bối cảnh căng thẳng thương mại gia tăng giữa các quốc gia, gian lận xuất xứ đã ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất của các doanh nghiệp chân chính, uy tín của các sản phẩm và môi trường kinh doanh từng quốc gia. Để ngăn chặn gian lận xuất xứ từ việc biến một nước nào đó thành điểm trung chuyển hàng xuất khẩu giả sang nước thứ ba, một số nước đã áp dụng các biện pháp trấn áp hàng giả và gian lận xuất xứ để đảm bảo uy tín của sản phẩm, hàng hóa của quốc gia mình.

Cũng như nhiều quốc gia, ở Việt Nam, cơ quan hải quan chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gian lận, làm giả xuất xứ, dán nhãn hàng hóa, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trung chuyển hàng hóa trái phép. Việc xác minh sử dụng mã nước ngoài, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc ghi nhãn hàng hóa lưu thông để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm tại Việt Nam sẽ giúp cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế và đồng thời minh bạch hóa nguồn gốc của các sản phẩm trên thị trường, tăng uy tín đối với khách hàng.

Trong thời gian vừa qua, để hỗ trợ doanh nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp tháng 5/2020, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ động triển khai hàng loạt các hoạt động để hỗ trợ doanh nghiệp xử lý vướng mắc (các nội dung này đã được Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo, đánh giá trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo Tờ trình số 1280/TTr-BKHCN ngày 21/5/2021 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định). Đồng thời nội dung sửa đổi này đã được đưa vào Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới năm 2021 tại Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP), thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và bãi bỏ Mẫu số 15, Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp.

1.5. Kiến nghị bổ sung Mục 8 Chương II "Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa" và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 như sau:

"Mục 8

QUẢN LÝ VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 19đ. Quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

1. Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hướng dẫn nâng cao năng lực kỹ thuật cho việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và hỗ trợ phát triển sản phẩm, hàng hóa chủ lực, phát triển kinh tế-xã hội của các bộ, ngành, địa

phương; quản lý việc tổ chức triển khai, thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Các bộ, ngành phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý việc tổ chức triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các bộ, ngành quản lý việc tổ chức triển khai thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại địa phương".

Lý do kiến nghị bổ sung:

Thứ nhất, Cần quy định rõ việc quản lý nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc để giúp doanh nghiệp tăng cường truy xuất nguồn gốc theo sự phát triển của thế giới trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vấn đề chuyển đổi số.

Thứ hai, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa tuy chưa quy định cụ thể về thuật ngữ truy xuất nguồn gốc nhưng theo thông lệ quốc tế, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là một trong những biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; là công cụ hỗ trợ quản lý nhà nước trong lưu thông sản phẩm, hàng hóa, chống hàng giả hàng nhái. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vấn đề chuyển đổi số sẽ giúp mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo ra giá trị mới nhờ việc cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm mới; tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa, nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước. Việc định danh, mã hóa và thu thập thông tin dạng máy đọc là tiền đề để có thể số hóa, trao đổi dữ liệu điện tử giữa các đơn vị trong chuỗi cung ứng và là nền tảng cho giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử.

Thứ ba, Hiện nay tại Điều 10, Điều 12, Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã quy định nghĩa vụ của người sản xuất, nhập khẩu, người bán hàng như sau: (i) tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản hàng hóa để duy trì chất lượng; (ii) thông báo điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản hàng hóa theo quy định của pháp luật; (iii) áp dụng các biện pháp để duy trì chất lượng hàng hóa trong vận chuyển, lưu trữ, bảo quản. Quy định này cũng phù hợp với khái niệm về truy xuất nguồn gốc (truy xuất nguồn gốc là hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh) được quy định tại TCVN 12850:2019 *Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc*.

Thứ tư, Để triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng như nhận thức được lợi ích của việc truy xuất nguồn gốc trong tình hình kinh tế trong và ngoài nước thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100). Quyết định số 100/QĐ-TTg đã giao trách nhiệm cho Bộ Khoa học và Công

nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan xây dựng các văn bản, quy định pháp luật về quản lý, xử lý vi phạm trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; xây dựng, vận hành và quản lý Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Thứ năm, Việc bổ sung quy định "Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa" nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc và tồn tại hiện nay về truy xuất nguồn gốc như (i) hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc của Việt Nam chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất; (ii) tem truy xuất nguồn gốc áp dụng trên các sản phẩm hiện nay chưa được chuẩn hóa về nội dung và hình thức; (iii) các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện tại mang tính khép kín, không có khả năng tương tác, liên kết, chia sẻ và trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc khác phục vụ hội nhập quốc tế; (iv) thông tin truy xuất nguồn gốc chưa đáp ứng đúng yêu cầu về truy xuất.

Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bổ sung Mục 8 Chương II "Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa" và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 như nêu trên.

1.6. Sửa đổi điểm d, điểm l khoản 2 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và sửa đổi điểm g, bổ sung điểm h khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP:

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch liên quan đến quản lý "*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*".

Do đó, để thống nhất trách nhiệm quản lý chất lượng giữa các Bộ, ngành, tránh chồng chéo, gây khó khăn trong quá trình thực hiện và quy định rõ trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý, đá quý, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng bãi bỏ trách nhiệm quản lý đối với "*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*" của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và giao Bộ Xây dựng quản lý.

<u>Lý do:</u> Theo ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Xây dựng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực công trình xây dựng dân dụng, nhà ở và công sở. Tuy nhiên, tại Phụ lục 1 - Phân loại công trình theo công năng sử dụng ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thì công trình thể thao và biển quảng cáo độc lập thuộc loại công trình dân dụng, thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Xây dựng.

- Việc xây dựng màn hình truyền quảng cáo ngoài trời, biểu hiệu, bảng quảng cáo độc lập hoặc gắn vào công trình xây dựng có sẵn ***phải xin giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương*** trong

những trường hợp sau đây: *a) Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 mét vuông trở lên, b) Xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 mét vuông kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; c) Bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 mét vuông trở lên* (khoản 2 Điều 31 Luật Quảng cáo năm 2012).

- Chủ sở hữu phương tiện quảng cáo ngoài trời có trách nhiệm: *khảo sát kỹ thuật, báo cáo về hiện trạng tuân theo các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng theo giấy phép của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng tại địa phương*; thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ theo quy định và đảm bảo các điều kiện an toàn cho phương tiện quảng cáo ngoài trời trong suốt thời gian thi công, xây dựng, lắp đặt cũng như thời gian tồn tại của phương tiện quảng cáo ngoài trời (tại khoản 1.3 Điều 3. Quy định về quản lý của QCVN 17:2018/BXD về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Đồng thời, QCVN 17:2018/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BXD đã quy định quản lý đối với phương tiện quảng cáo ngoài trời đứng độc lập hoặc gắn/ốp vào công trình xây dựng bao gồm bảng quảng cáo, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo đặt ngoài trời, biển hiệu, phương tiện quảng cáo dạng chữ, hình, biểu tượng.

- Bên cạnh đó, theo Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, theo đó về đối tượng quảng cáo ngoài trời thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chức năng hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại địa phương và tổ chức thẩm định sản phẩm quảng cáo theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trách nhiệm quản lý đối với "*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*" đã được giao cho Bộ Xây dựng.

2. Về Điều 2. Bãi bỏ quy định về việc phối hợp kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường

Theo quy định tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP thì phương tiện đo nhóm 2 nhập khẩu phải có quyết định phê duyệt mẫu trước thông quan. Tuy nhiên, thời gian thử nghiệm để thực hiện thủ tục phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí lên đến 60-90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa. Ngoài ra, việc kiểm tra tại khâu thông quan là không cần thiết vì tại thời điểm làm thủ tục thông quan hàng hóa chưa được sử dụng ngay nên chưa ảnh hưởng ngay đến sức khỏe, an toàn lao động...

Đồng thời, đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, hiện nay chưa ban hành Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nên không có thủ tục kiểm tra nhà nước về đo lường đối với lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bãi bỏ nội dung quy định kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu tại các cửa khẩu và bỏ quy định cơ quan hải quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện đo nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu phù hợp quy định.

3. Điều 4. Điều khoản thi hành.

4. Phụ lục:

Để phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu quản lý, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị sửa đổi 02 Mẫu này cho phù hợp, cụt hể:

- Mẫu số 12 - Đơn đăng ký sử dụng mã số, mã vạch (thay thế Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

- Mẫu số 14 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch (thay thế Mẫu số 14 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

Lý do:

+ Mẫu số 12 - Đơn đăng ký sử dụng mã số, mã vạch: chỉnh sửa bố cục để thuận tiện kê khai thông tin; Bỏ các thông tin hướng dẫn bằng tiếng anh để thống nhất toàn bộ mẫu; Đơn giản các trường thông tin không cần thiết để doanh nghiệp giảm thời gian khi kê khai (tài khoản, phân ngành, loại sản phẩm); Làm rõ các trường thông tin doanh nghiệp dễ nhầm lẫn (các loại mã, danh mục mã kèm theo); Bổ sung trường thông tin trích nợ tự động để hỗ trợ doanh nghiệp khi muốn trả phí tự động; Sửa tên các mã để phù hợp với Thông tư 232/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính và Thông tư 10/2020/TT-BKHCN ngày 30/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Mẫu số 14 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch: chỉnh sửa bố cục thành mẫu song ngữ mới, vì giấy chứng nhận hiện tại phần tiếng anh không có chữ ký và nhiều doanh nghiệp không có nhu cầu viết tên tiếng anh; các mã cấp cho doanh nghiệp sẽ thể hiện trên một giấy chứng nhận để phù hợp với các giấy chứng nhận của quốc tế.

V. Vấn đề giao thoa với dự thảo Nghị định quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu

1. Đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định sửa đổi Nghị định 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 86/2012/NĐ-CP)

Nghị định sửa đổi Nghị định 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 86/2012/NĐ-CP để hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Đo lường. Các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định này hoàn toàn không trái với các luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Mặt khác, việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012 để tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh

nghiệp như bãi bỏ thủ tục hành chính về sử dụng mã số mã vạch nước ngoài, bãi bỏ việc kiểm tra tại khâu thông quan đối với nghĩa vụ thực hiện phê duyệt mẫu của tổ chức cá nhân nhập khẩu phương tiện đo, phân công rõ trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành, làm rõ hơn về các hàng hóa được miễn kiểm tra…, các nội dung khác liên quan đến trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, miễn kiểm tra khi nhập khẩu vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

2. Đối với dự thảo Nghị định quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu (sau đây viết tắt là Nghị định về kiểm tra chuyên ngành)

a) Một số nội dung của Nghị định về kiểm tra chuyên ngành chưa phù hợp, thống nhất với các luật và chủ trương hiện nay của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Việc giao cơ quan hải quan *thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu* trong dự thảo Nghị định không thống nhất với quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Điều 27, Điều 35 quy định về tiếp nhận, xử lý hồ sơ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu) và một số Luật chuyên ngành về công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu (ví dụ Điều 24 Luật Hải quan quy định trong hồ sơ hải quan phải có Thông báo kiểm tra nhà nước về chất lượng hoặc Thông báo miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng khi người nhập khẩu thực hiện khai hải quan; Điều 35 Luật Hải quan quy định cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan).

Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường chưa phân công trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Theo dự thảo Nghị định, tất cả các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng (hàng hóa nhóm 2) sẽ phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng trước thông quan (tiền kiểm). Như vậy là chưa phù hợp với chủ trương của Chính phủ trong thời gian vừa qua là chuyển mạnh từ cơ chế "*tiền kiểm*" sang "*hậu kiểm*" (quy định tại các Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ…).

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) đã quy định "*Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa được thực hiện thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy của người nhập khẩu*". Tuy nhiên, theo dự thảo Nghị định thì người nhập khẩu vừa phải thực hiện thủ tục công bố hợp quy vừa phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng. Như vậy là phát sinh thêm thủ tục hành chính cho người nhập khẩu.

b) Dự thảo Nghị định có phạm vi điều chỉnh vượt quá quy định tại khoản a Điều 1 quy định về phạm vi của Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 38). Cụ thể phạm vi điều chỉnh của Đề án 38 như sau:

"a) Phạm vi của Đề án

Phạm vi của Đề án bao gồm hoạt động kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu, ***trừ các hàng hóa*** *sau:*

- Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra, quản lý liên quan đến an ninh, quốc phòng, kiểm dịch, văn hóa...;

- Hàng hóa vừa thuộc diện kiểm dịch, vừa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành khác do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

- Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa thuộc diện kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi hàng hóa đã thông quan, hoặc hàng hóa thuộc diện kiểm tra nhà nước về chất lượng được các bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định việc kiểm tra thực hiện thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy của người nhập khẩu theo biện pháp: (i) kết quả tự đánh giá phù hợp của tổ chức, cá nhân; (ii) kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật (biện pháp 2a, 2b theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa)".

c) Theo dự thảo Nghị định thì khi Nghị định được ban hành sẽ bãi bỏ nội dung quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu tại các văn bản sau:

- Khoản 2, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2c, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Điều 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Các khoản 1, 2, 3 Điều 4 của Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

- Các Điều 22, 24, 25 của Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Hệ quả của việc bãi bỏ này:

Thứ nhất, tất cả sản phẩm, hàng hóa đang được kiểm tra "hậu kiểm" theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sẽ phải chuyển ngược lại sang "tiền kiểm" và Nhà nước sẽ phải đầu tư nguồn lực để điều chỉnh lại cách thức quản lý trên, doanh nghiệp khó khăn hơn trong thực hiện.

Thứ hai, trường hợp dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính xây dựng được Chính phủ ban hành và có hiệu lực thi hành thì một số nội dung sửa đổi, bổ sung (khoản 1, khoản 2 Điều 1) tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 86/2012/NĐ-CP sẽ không thống nhất khi các điều khoản này tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã bị bãi bỏ.

Thứ ba, một số lĩnh vực sẽ không có căn cứ để thực hiện quản lý nhà nước, ví dụ các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng vừa phải kiểm dịch vừa phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm (các đối tượng này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định do Bộ Tài chính xây dựng).

c) Tại các cuộc họp lấy ý kiến góp ý cũng như văn bản góp ý, các Bộ, ngành như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải… cũng chưa đồng thuận với dự thảo Nghị định.

Do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, sửa đổi dự thảo Nghị định này cho phù hợp, không làm phá vỡ hệ thống pháp luật chuyên ngành, trong đó cần lưu ý phạm vi điều chỉnh phải phù hợp với quy định tại khoản a Điều 1 của Đề án 38.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Về nội dung quy định các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch):

Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất 02 phương án sau:

Phương án 1:

"p) Các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của Bộ Tài chính".

Phương án 2:

"p) Các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực".

Qua tổng hợp 40 ý kiến của Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan thì có 27 ý kiến lựa chọn Phương án 1. Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành, có ý kiến đề nghị giao cho Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định để thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng.

Ưu điểm, nhược điểm của từng phương án đã được nêu cụ thể tại khoản 1.2 mục 1 Phần IV của Tờ trình này. Về quan điểm, Bộ Khoa học và Công nghệ cho rằng trước đây Bộ Tài chính đã có quy định về nội dung này nên việc giao Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định cụ thể (Phương án 1) sẽ thuận lợi hơn giao Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định (Phương án 2).

2. Về nội dung sửa đổi điểm đ khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP):

Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất 02 phương án sau:

Phương án 1:

Giữ nguyên như quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP).

Phương án 2:

"đ) Trong thời gian được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

- Người nhập khẩu phải bảo đảm lô hàng nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp lô hàng bị phát hiện không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng.

- Định kỳ 03 tháng, người nhập khẩu phải báo cáo tình hình nhập khẩu cho cơ quan kiểm tra để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm.

- Cơ quan kiểm tra có quyền kiểm tra đột xuất lô hàng nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (nếu có)".

Ưu điểm, nhược điểm của từng phương án đã được nêu cụ thể tại khoản 1.3 mục 1 Phần IV của Tờ trình này. Về quan điểm, Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn phương án 1.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Vụ PL) (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định